

Số: **43a**/2025/QĐST-DS

Bình Đại, ngày 21 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày **13** tháng **3** năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 442/2024/TLST - DS ngày 29 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng K.**

Trụ sở: A-B-C Phạm T, Phường V, Thành phố G, Tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện cho Ngân hàng K: **Ông Lê Trung V** - Chức vụ: Giám đốc văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, **là người đại diện theo ủy quyền** theo Văn bản ủy quyền số 3366/QĐ-NHKL ngày 21/8/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng K.

Ủy quyền: **Ông Lý Duy K** - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ thẻ và tài chính vi mô - Phòng Xử lý nợ - Ngân hàng K. **Địa chỉ:** 517 Đại Lộ K, Phường K, Thành phố T, tỉnh Bến Tre **tham** gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 2734/QĐ-NHKL ngày 07/10/2024 của Giám đốc văn phòng đại diện Ngân hàng K tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* **1. Anh Nguyễn Hồng Thông T**, sinh ngày 16/6/1986.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

2. Chị Bùi Thị Hương T, sinh ngày 08/01/1990.

Đăng ký thường trú: Ấp L, xã K, huyện N, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: Ấp H, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Nguyễn Hồng Thông T và chị Bùi Thị Hương T thừa nhận còn nợ và đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng K (do Ngân hàng K - Chi nhánh T - Phòng giao dịch D đại diện nhận) số tiền nợ vay tính đến ngày **13 tháng 3** năm 2025 là: 967.487.554 đồng (Chín trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng số 005/23/HĐTD/0301-5838 ngày 16/3/2023 là: 895.975.736 đồng (Tám trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng), gồm:

- Nợ gốc: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

- Nợ lãi trong hạn: 48.516.712 đồng (Bốn mươi tám triệu, năm trăm mười sáu nghìn, bảy trăm mười hai đồng).

- Nợ lãi quá hạn: 147.459.024 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng).

+ **Nợ thẻ tín dụng theo** Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kiên Long Bank số 0004/20/TC/0301- 05838 ngày 12/06/2020 là: 71.511.818 đồng (Bảy mươi một triệu, năm trăm mười một nghìn, tám trăm mười tám đồng), gồm:

- Nợ gốc: 36.000.328 đồng (Ba mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi tám đồng).

- Nợ lãi trong hạn: 24.306.342 đồng (Hai mươi bốn triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng).

- Nợ lãi quá hạn: 11.205.148 đồng (Mười một triệu, hai trăm lẻ năm nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng).

2.2. Thời gian thực hiện:

Trả ngay một lần khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (ngày 21/3/2025).

2.3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày **13 tháng 3 năm 2025** cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Hồng Thông T và chị Bùi Thị Hương T còn phải **có nghĩa vụ liên đới** chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết:

+ Hợp đồng tín dụng số 005/23/HĐTD/0301-5838 ngày 16/3/2023.

+ Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kiên Long Bank số 0004/20/TC/0301- 05838 ngày 12/06/2020.

(Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng **thời** kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất **mà anh Nguyễn Hồng Thông T và chị Bùi Thị Hương T** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2.4. Về xử lý tài sản thế chấp:

Đến thời hạn trả nợ nêu trên **mà** anh Nguyễn Hồng Thông T và chị Bùi Thị Hương T không thực hiện theo đúng thỏa thuận, thì anh Nguyễn Hồng Thông T và chị Bùi Thị Hương T tự nguyện đồng ý có nghĩa vụ **giao toàn bộ** tài sản thế chấp **theo các** Hợp đồng thế chấp tài **sản đã ký** kết để Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý thu hồi nợ và lãi phát sinh.

- Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết gồm có:

+ **Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 155.01/21/HĐTC-BDS/0301-5838 ngày 16/12/2021 là:** Quyền sử dụng đất diện tích 181,2m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số: 28, tại xã Thanh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 042473, số vào sổ cấp GCN: CS03746 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 03/10/2017 cho anh Nguyễn Hồng Thông T.

+ **Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 155.02/21/HĐTC-BDS/0301-5838 ngày 16/12/2021 là:** Quyền sử dụng đất diện tích 128,3m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 469, tờ bản đồ số: 28, tại xã Thanh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 983677, số vào sổ cấp GCN: CS03791 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/12/2017 cho anh Nguyễn Hồng Thông T.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

2.5.1. Anh Nguyễn Hồng Thông T và chị Bùi Thị Hương T phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 20.512.313 đồng (Hai mươi triệu, năm trăm mười hai nghìn, ba trăm mười ba đồng).

2.5.2. Ngân hàng K (do Ngân hàng K - Chi nhánh T - Phòng giao dịch D đại diện nhận) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.369.110 đồng (Mười tám triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm mười đồng) theo biên lai thu tiền số 0006838 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên